| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN G**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 167/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2022
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Duy Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Văn Cường.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Thanh Dũ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, về việc tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Bích T, sinh năm 1988. *(Xin vắng mặt)*
Địa chỉ: ấp 6, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn E, sinh năm 1984. *(vắng mặt)*
Địa chỉ: ấp 6, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn xin ly hôn ngày 23/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Bích T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh E tiến đến hôn nhân từ trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh L vào năm 2007. Sau khi cưới anh chị sinh sống tại nhà anh E ấp 6, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh E thường xuyên ăn nhậu, khi nhậu về anh E hay kiếm chuyện chửi bới, hành hạ, đánh đập chị. Chị và và anh E đã ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay và anh chị cũng không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn E.

- *Về con chung:* Anh chị có 03 con chung tên Võ Thành Đ, sinh ngày 27/11/2008 và Võ Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 10/9/2012; Võ Thành T, sinh ngày 25/5/2015. Hiện nay, các con chung đang sống với anh E. Ly hôn, chị giao 03 con chung cho anh E trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn E vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống Đ hợp lệ các văn bản tố tụng.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Bích T cho chị T được ly hôn với anh Võ Văn E.

Về con chung: Giao con chung tên Võ Thành Đ, sinh ngày 27/11/2008 và Võ Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 10/9/2012; Võ Thành T, sinh ngày 25/5/2015 cho anh Võ Văn E được tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Võ Văn E vắng mặt không lý do dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh E tham gia phiên tòa lần thứ hai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G không có ý kiến về việc vắng mặt nguyên đơn chị Lê Bích T, bị đơn anh Võ Văn E và đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh E kết hôn vào năm 2007 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2007 ngày 25/5/2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T, căn cứ vào lời khai của chị T và kết quả xác minh tại địa phương, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của vợ chồng chị đã phát

sinh mâu thuẫn 7/2021, nguyên nhân do anh E thường xuyên ăn nhậu, khi nhậu về anh E hay kiếm chuyện chửi bới, hành hạ, đánh đập chị, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến tháng 09/2021 thì chị và anh E cho đến nay và từ đó anh chị cũng không liên hệ hàn gắn tình cảm. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh E không đến Tòa án, không phản đối yêu cầu ly hôn của chị T, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh E mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày, nay anh E không muốn hàn gắn tình cảm và cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Từ những tình tiết nêu trên, xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh E là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh E có 03 con chung tên Võ Thành Đ, sinh ngày 27/11/2008 và Võ Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 10/9/2012; Võ Thành T, sinh ngày 25/5/2015. Xét thấy, hiện nay cháu Đ, cháu Y, cháu T đang sống với anh E và chị T trình bày ly hôn chị giao 03 cháu Đ, cháu Y, cháu T cho anh E tiếp tục nuôi dưỡng. Anh E không đến tham gia phiên tòa cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chứng tỏ anh E không có ý kiến về việc chị T giao 03 con chung nêu trên cho anh E tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Đ, cháu Y, cháu T theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị T giao anh E được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên giao con chung tên tên Võ Thành Đ, sinh ngày 27/11/2008 và Võ Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 10/9/2012; Võ Thành T, sinh ngày 25/5/2015 cho anh E tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chị T trình bày không cấp dưỡng nuôi cháu Đ, cháu Y, cháu T và anh E cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử nhận thấy chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh E chưa có yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật. Nếu sau này chị T, anh E có tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con sẽ khởi kiện bằng vụ án khác sau ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.4] Về án phí: Chị T có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn chị Lê Bích T, cho chị T được ly hôn với anh Võ Văn E.

**2. Về con chung:** Giao con chung tên Võ Thành Đ, sinh ngày 27/11/2008 và Võ Ngọc Hoàng Y, sinh ngày 10/9/2012; Võ Thành T, sinh ngày 25/5/2015 cho chị Lê Bích T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Lê Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Võ Văn E chưa có yêu cầu.

Anh Võ Văn E cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Lê Bích T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

**3. Về án phí:** Chị Lê Bích T phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn đồng)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm ngàn đồng)* đồng theo biên lai thu số 0007436 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**
- VKSND H.G;
- CC.THADS H.G;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**Lê Ngọc Duy Linh**